Future Continuous

The Future Continuous tense is often used in English as a way to talk about something happening at a given point in the future.



How do we make the Future Continuous tense?

The structure of the Future Continuous tense is:

| subject | + | auxiliary verb WILL | + | auxiliary verb BE | + | main verb |
|---------|---|---------------------|---|-------------------|---|--------------------|
| | | invariable | | invariable | | present participle |
| | | will | | be | | base + ing |

For negative sentences in the Future Continuous tense, we insert **not** between **will** and **be**. For question sentences, we exchange the **subject** and **will**. Look at these example sentences with the Future Continuous tense:

| | subject | auxiliary verb | auxiliary verb | main verb | |
|---|---------|----------------|----------------|-----------|----------------------|
| + | Ι | will | be | working | at 10am. |
| + | You | will | be | lying | on a beach tomorrow. |

| | subject | auxiliary verb | | auxiliary verb | main verb | |
|---|---------|----------------|-----|----------------|-----------|-----------------|
| - | She | will | not | be | using | the car. |
| - | We | will | not | be | having | dinner at home. |
| ? | Will | you | | be | playing | football? |
| ? | Will | they | | be | watching | TV? |

We sometimes use **shall** instead of **will**, especially for I and we.

Contraction with Future Continuous

When we use the Future Continuous tense in speaking, we often contract the subject and WILL:

| I will | I'11 |
|--------------------------------|--------------------------|
| you will | you'll |
| he will she will it will | he'll she'll it'll |

| we will | we'll |
|-----------|---------|
| they will | they'll |

In negative sentences, we may contract with **won't**, like this:

| I will not | I won't |
|--|-----------------------------------|
| you will not | you won't |
| he will not she will not it will not | he won't she won't it won't |
| we will not | we won't |
| they will not | they won't |

How do we use the Future Continuous tense?

The Future Continuous tense expresses action at a **particular moment** in the future. The action will have started before that moment but it will not have finished at that moment. For example, tomorrow I will start work at 2pm and stop work at 6pm:

| At 4pm tomorrow, I will be working . | | | | | | |
|---|---------|---|--|--|--|--|
| past | present | future | | | | |
| | 4pm | | | | | |
| | | At 4pm, I will be in the middle of working. | | | | |

When we use the Future Continuous tense, our listener usually knows or understands what time we are talking about. Look at these examples:

- I will be playing tennis at 10am tomorrow.
- They won't be watching TV at 9pm tonight.
- What **will** you **be doing** at 10pm tonight?
- What will you be doing when I arrive?
- She will not be sleeping when you telephone her.
- We'll be having dinner when the film starts.
- Take your umbrella. It will be raining when you return.

Note that **continuous** tenses are also called **progressive** tenses. So the Future Continuous tense is sometimes called the Future Progressive tense.

Tương lai tiếp diễn

Thì Tương lai tiếp diễn thường được sử dụng trong tiếng Anh như một cách để nói về một điều gì đó sẽ xảy ra tại một thời điểm nhất định trong tương lai.



Làm thế nào để chúng ta tạo thì Tương lai tiếp diễn?

Cấu trúc của thì Tương lai tiếp diễn là:

| môn học | + | trợ động từ $S\!	ilde{E}$ | + | trợ động từ BE | + | động từ chính |
|---------|---|---------------------------|---|----------------|---|------------------|
| | | bất biến | | bất biến | | phân từ hiện tại |
| | | sẽ | | thì là ở | | cơ sở + ing |

Đối với câu phủ định ở thì Tương lai tiếp diễn, chúng ta chèn **not** vào giữa **will** và **be**. Đối với câu nghi vấn, chúng ta hoán đổi **chủ ngữ** và **will**. Nhìn vào những câu ví dụ này với thì Tương lai tiếp diễn:

| | môn học | trợ động từ | trợ động từ | động từ chính | |
|---|------------|----------------|----------------|------------------|--------------|
| + | Tôi | sẽ | thì là ở | đang làm việc | 10 giơ sang. |

| | môn học | trợ động từ | | trợ động từ | động từ chính | |
|---|--------------|----------------|---------------|----------------|------------------|------------------------------------|
| + | Bạn | sẽ | | thì là ở | nằm | trên một bãi biển vào ngày mai. |
| - | Cô ấy | sẽ | không phải | thì là ở | sử dụng | xe ô tô. |
| - | chúng tôi | sẽ | không phải | thì là ở | đang có | ăn tối ở nhà. |
| ? | Sẽ | bạn | | thì là ở | đang chơi | bóng đá? |
| ? | Sẽ | họ | | thì là ở | xem | TV? |

Đôi khi chúng ta sử dụng shall thay cho will, đặc biệt là với I và we.

Rút gọn với Tương lai tiếp diễn

Khi chúng ta sử dụng thì Tương lai tiếp diễn trong nói, chúng ta thường rút gọn chủ ngữ và SILL:

| Tôi sẽ | ốm |
|--------|--------|
| bạn sẽ | bạn sẽ |

| anh ấy sẽ cô ấy sẽ nó sẽ | anh ấy sẽ cô ấy sẽ nó sẽ |
|--------------------------------|--------------------------------|
| chúng tôi sẽ | ổn |
| họ sẽ | họ sẽ |

Trong câu phủ định, chúng ta có thể rút gọn với won't như sau:

| Tôi sẽ không | tôi sẽ không |
|--|--|
| bạn sẽ không | bạn sẽ không |
| anh ấy sẽ không cô ấy sẽ không nó sẽ không | anh ấy sẽ không cô ấy sẽ không nó sẽ không |
| chúng tôi sẽ không | chúng tôi sẽ không |
| họ sẽ không | họ sẽ không |

Làm thế nào để chúng ta sử dụng thì Tương lai tiếp diễn?

Thì Tương lai tiếp diễn diễn tả hành động tại một **thời điểm cụ thể** trong tương lai. Hành động sẽ bắt đầu trước thời điểm đó nhưng nó sẽ không kết thúc vào thời điểm đó. Ví dụ, ngày mai tôi sẽ bắt đầu làm việc lúc 2 giờ chiều và kết thúc công việc lúc 6 giờ chiều:

| Lúc 4 giờ chiều ngày mai, tôi sẽ làm việc . | | |
|--|----------|--|
| vừa qua | hiện nay | Tương lai |
| | | 4 giờ chiều |
| | | Lúc 4 giờ chiều, tôi sẽ ở giữa công việc. |

Khi chúng ta sử dụng thì Tương lai tiếp diễn, người nghe thường biết hoặc hiểu chúng ta đang nói về thời gian nào. Hãy xem những ví dụ này:

- Tôi **sẽ chơi** quần vợt lúc 10 giờ sáng ngày mai.
- Họ **sẽ không xem** TV lúc 9 giờ tối nay.
- Bạn **sẽ làm gì** vào lúc 10 giờ tối nay?
- Bạn **sẽ làm gì** khi tôi đến?
- Cô ấy **sẽ** không **ngủ** khi bạn gọi điện cho cô ấy.
- Chúng tôi **sẽ** ăn tối khi bộ phim bắt đầu.
- Lấy chiếc ô của bạn. Trời **sẽ mưa** khi bạn trở về.

Lưu ý rằng các thì **tiếp** diễn còn được gọi là các thì **tiếp diễn** . Vì vậy, thì Tương lai tiếp diễn đôi khi được gọi là thì Tương lai tiếp diễn.